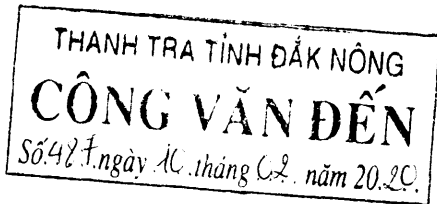


Số: 152/TTCP-C.IV

Hà Nội, ngày 06 tháng 02 năm 2020

V/v Lấy ý kiến đối với Dự thảo
Nghị định của Chính phủ
về kiểm soát tài sản, thu nhập

Kính gửi:



- Ủy ban Kiểm tra Trung ương
- Ban Tổ chức Trung ương
- Ban Nội chính Trung ương
- Văn phòng Quốc hội
- Ban Công tác Đại biểu thuộc Ủy ban TV Quốc hội
- Viện Kiểm sát Nhân dân Tối cao
- Tòa án Nhân dân Tối cao
- Văn phòng Chủ tịch nước
- Kiểm toán Nhà nước
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể Chính trị - Xã hội
- Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ
- Thanh tra tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ

Thực hiện chỉ đạo của Phó Thủ tướng Thường trực Trương Hòa Bình tại Văn bản số 743/VPCP-V.I ngày 03/02/2020 của Văn phòng Chính phủ, Thanh tra Chính phủ trân trọng đề nghị các cơ quan, bộ, ngành, địa phương đóng góp ý kiến bằng văn bản đối với Dự thảo Nghị định của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị (có Dự thảo Nghị định gửi kèm).

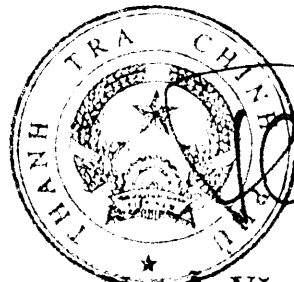
Đề nghị Cổng thông tin điện tử Chính phủ đăng tải Dự thảo Nghị định để lấy ý kiến rộng rãi của các đối tượng chịu sự tác động của Nghị định theo quy định của Luật Ban hành Văn bản quy phạm pháp luật.

Văn bản, ý kiến góp ý đề nghị gửi về Thanh tra Chính phủ hoặc qua hộp thư điện tử cucchongthamnhung@thanhtra.gov.vn trước ngày 25/3/2020.

Trân trọng cảm ơn././

Nơi nhận: *Wuu*

- Như trên;
- Phó TTg Trương Hòa Bình (để b/c);
- Tổng TTCP (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Phó Tổng TTCP Nguyễn Văn Thanh;
- Phó Tổng TTCP Trần Ngọc Liêm;
- Trung tâm thông tin (để đăng trên Cổng TTĐT);
- Lưu: VT, Cục IV, Vụ PC.

**KT. TỔNG THANH TRA
PHÓ TỔNG THANH TRA****Nguyễn Văn Thanh**

Số: /2020/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

Dự thảo 2

NGHỊ ĐỊNH

VỀ KIỂM SOÁT TÀI SẢN, THU NHẬP
CỦA NGƯỜI CÓ CHỨC VỤ, QUYỀN HẠN TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật phòng, chống tham nhũng ngày 20 tháng 11 năm 2018;
Theo đề nghị của Tổng Thanh tra Chính phủ;
Chính phủ ban hành Nghị định về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật phòng, chống tham nhũng số 36/2018/QH14 ngày 20/11/2018 (sau đây gọi tắt là Luật phòng, chống tham nhũng) về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị.

1. Quy định chi tiết các điều, khoản sau đây của Luật phòng, chống tham nhũng:

a) Khoản 3 Điều 31 về trình tự, thủ tục yêu cầu, thực hiện yêu cầu cung cấp thông tin về tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ kê khai để phục vụ việc xác minh tài sản, thu nhập;

b) Khoản 2 Điều 35 về Mẫu bản kê khai và việc thực hiện kê khai tài sản;

c) Điểm b, Khoản 3 Điều 36 về người làm công tác tổ chức cán bộ, quản lý tài chính công, tài sản công, đầu tư công hoặc trực tiếp tiếp xúc và giải quyết công việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân phải kê khai tài sản, thu nhập hàng năm;

d) Khoản 6 Điều 39 về thời điểm, hình thức và việc tổ chức công khai bản kê khai tài sản, thu nhập tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, công khai bản kê khai tài sản, thu nhập của người dự kiến được bổ nhiệm giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý tại cơ

quan, tổ chức, đơn vị và người dự kiến bầu giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý tại doanh nghiệp nhà nước;

đ) Khoản 2 Điều 41 về tiêu chí lựa chọn người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập được xác minh theo kế hoạch hàng năm và việc xây dựng, phê duyệt kế hoạch xác minh tài sản, thu nhập hàng năm của Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập;

e) Khoản 4 Điều 54 về bảo vệ, lưu trữ, khai thác, cung cấp thông tin cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập;

g) Khoản 4 Điều 94 về xử lý kỷ luật đối với người vi phạm quy định về nghĩa vụ trung thực trong kê khai tài sản, thu nhập, giải trình nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm; vi phạm quy định về thời hạn kê khai tài sản, thu nhập và các quy định khác về kiểm soát tài sản, thu nhập.

2. Quy định chi tiết các biện pháp thi hành quy định của Luật phòng, chống tham nhũng về kiểm soát tài sản, thu nhập, bao gồm:

a) Nộp Bản kê khai tài sản, thu nhập cho cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập;

b) Xây dựng Cơ sở dữ liệu Quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập;

c) Kiểm soát tài sản, thu nhập đối với các đối tượng chịu sự kiểm soát tài sản, thu nhập của nhiều cơ quan khác nhau.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập; cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan trong kiểm soát tài sản, thu nhập.

2. Người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập (sau đây gọi tắt là Người kê khai); cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan trong việc kê khai, công khai, giải trình, xác minh tài sản, thu nhập, xử lý vi phạm quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “Kiểm soát tài sản, thu nhập” là hoạt động mà cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập thực hiện theo quy định của pháp luật để biết rõ tài sản, thu nhập, biến động về tài sản, thu nhập, nguồn gốc tài sản, thu nhập tăng thêm của Người kê khai.

2. “Kê khai tài sản, thu nhập” là việc ghi thông tin về các loại tài sản, thu nhập, biến động tài sản, thu nhập phải kê khai, nguồn gốc tài sản, thu nhập tăng thêm theo quy định của Luật phòng, chống tham nhũng và Nghị định này.

3. “Công khai Bản kê khai tài sản, thu nhập” là việc công bố đầy đủ thông tin trong Bản kê khai tài sản, thu nhập (sau đây gọi tắt là Bản kê khai) bằng các hình thức theo quy định của Luật phòng, chống tham nhũng và Nghị định này.

4. “Giải trình nguồn gốc tài sản tăng thêm” là việc Người kê khai giải thích và làm rõ về nguồn gốc hình thành tài sản, thu nhập tăng thêm.

5. “Xác minh tài sản, thu nhập” là việc xem xét, đánh giá, kết luận của cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật phòng,

chống tham nhũng và Nghị định này về tính trung thực, đầy đủ, rõ ràng của Bản kê khai và tính trung thực trong việc giải trình về nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm.

Điều 4. Mục đích, nguyên tắc kiểm soát tài sản, thu nhập

1. Kiểm soát tài sản, thu nhập để cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền biết rõ tình trạng và sự biến động về tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ kê khai nhằm phòng ngừa tham nhũng, phục vụ công tác quản lý cán bộ, kịp thời phát hiện tham nhũng, thu hồi tài sản tham nhũng, ngăn chặn hành vi tẩu tán tài sản.

2. Hoạt động kiểm soát tài sản, thu nhập phải tuân theo pháp luật, đúng đối tượng, thực hiện thường xuyên, minh bạch, công bằng, khách quan; không làm cản trở các quyền đối với tài sản, thu nhập hợp pháp của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân.

3. Kiểm soát tài sản, thu nhập trên cơ sở tự giác của người kê khai, thẩm quyền, trách nhiệm của cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập, sự phối hợp của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan và sự giám sát của xã hội.

4. Mọi vi phạm của cá nhân, tổ chức trong kê khai tài sản, thu nhập, giải trình nguồn gốc tài sản, thu nhập tăng thêm phải được xử lý nghiêm minh, kịp thời theo quy định của pháp luật.

5. Thông tin, dữ liệu về tài sản, thu nhập phải được sử dụng đúng mục đích để kiểm soát tài sản, thu nhập.

6. Việc thực hiện các biện pháp kiểm soát tài sản thu nhập, xử lý hành vi vi phạm nghĩa vụ trung thực trong kê khai tài sản, thu nhập, giải trình nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm phải căn cứ vào bản kê khai tài sản, thu nhập, việc giải trình nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm được thực hiện theo Luật phòng, chống tham nhũng năm 2018 và quy định của Nghị định này.

7. Thanh tra Chính phủ chủ trì, phối hợp với cơ quan có thẩm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam quy định tại Khoản 8 Điều 30 của Luật phòng, chống tham nhũng xây dựng quy chế phối hợp trong việc kiểm soát tài sản, thu nhập đối với các đối tượng chịu sự kiểm soát tài sản, thu nhập của nhiều cơ quan khác nhau.

Chương II

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC YÊU CẦU VÀ THỰC HIỆN YÊU CẦU CUNG CẤP THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN, THU NHẬP

Điều 5. Quyền yêu cầu, trách nhiệm thực hiện yêu cầu cung cấp thông tin

1. Người có quyền yêu cầu cung cấp thông tin để phục vụ việc theo dõi biến động tài sản, thu nhập, xây dựng kế hoạch xác minh và xác minh tài sản, thu nhập (sau đây gọi tắt là Người yêu cầu), gồm:

a) Người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập;

b) Tổ trưởng tổ xác minh tài sản, thu nhập.

2. Cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân được yêu cầu cung cấp thông tin (sau đây gọi tắt là Người được yêu cầu) có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, trung thực, kịp thời thông tin theo yêu cầu của Người yêu cầu và chịu trách nhiệm về thông tin do mình cung cấp.

Điều 6. Trình tự, thủ tục yêu cầu cơ quan, tổ chức, đơn vị cung cấp thông tin

1. Việc yêu cầu cung cấp thông tin được thực hiện bằng văn bản hoặc yêu cầu trực tiếp trong trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định này.

2. Nội dung văn bản yêu cầu gồm có:

a) Căn cứ, mục đích yêu cầu cung cấp thông tin;

b) Những thông tin cần được cung cấp;

c) Thời hạn cung cấp thông tin;

d) Hình thức cung cấp thông tin;

đ) Yêu cầu khác (nếu có).

Điều 7. Trình tự, thủ tục cung cấp thông tin của cơ quan, tổ chức, đơn vị

1. Thời hạn cung cấp thông tin

a) Cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm cung cấp thông tin về tài sản, thu nhập trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu;

b) Trong trường hợp thông tin được yêu cầu cung cấp là thông tin phức tạp, không có sẵn thì trong thời hạn chậm nhất là 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu, cơ quan, tổ chức, đơn vị phải có văn bản thông báo cho cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập biết, nêu rõ lý do và phải cung cấp trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ khi nhận được yêu cầu cung cấp thông tin.

2. Người được yêu cầu có trách nhiệm thực hiện theo đúng thời hạn được yêu cầu. Trường hợp chưa rõ yêu cầu thì trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu, Người được yêu cầu đề nghị Người yêu cầu làm rõ.

3. Trong trường hợp vì lý do khách quan không thể cung cấp được thông tin đúng thời hạn thì chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu, Người được yêu cầu phải có văn bản nêu rõ lý do chậm và đề nghị Người yêu cầu gia hạn.

Điều 8. Trình tự, thủ tục yêu cầu và thực hiện yêu cầu cung cấp thông tin đối với doanh nghiệp, tổ chức thuộc khu vực ngoài nhà nước và cá nhân

1. Trình tự, thủ tục yêu cầu doanh nghiệp, tổ chức thuộc khu vực ngoài nhà nước, cá nhân cung cấp thông tin thực hiện theo quy định tại Điều 6 của Nghị định này hoặc theo yêu cầu trực tiếp của Người yêu cầu. Việc yêu cầu trực tiếp được lập thành biên bản.

2. Việc yêu cầu và thực hiện yêu cầu cung cấp thông tin đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện theo quy định của pháp luật về giữ bí mật, cung cấp thông tin khách hàng của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không được từ chối cung cấp thông tin phục vụ hoạt động kiểm soát tài sản, thu nhập vì lý do giữ bí mật thông tin khách hàng.

Chương III **KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP**

Điều 9. Tài sản, thu nhập phải kê khai

1. Quyền sử dụng đất:
 - a) Có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất;
 - b) Có giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai;
 - c) Không có giấy tờ nêu tại điểm a, b nhưng có sử dụng trên thực tế từ 12 tháng trở lên.
2. Quyền sở hữu, sử dụng đối với nhà ở, công trình xây dựng:
 - a) Nhà ở, công trình xây dựng đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu;
 - b) Nhà ở, công trình xây dựng thuộc quyền sở hữu trên thực tế nhưng chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu hoặc Giấy chứng nhận quyền sở hữu đứng tên người khác;
 - c) Nhà ở, công trình xây dựng thuê của Nhà nước.
3. Tài sản khác gắn liền với đất, nhà ở, công trình xây dựng:
 - a) Cây lâu năm, rừng sản xuất là rừng trồng;
 - b) Vật kiến trúc gắn liền với đất, nhà ở, công trình xây dựng.
4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên.
5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên.
6. Cổ phiếu, trái phiếu, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị của các loại giấy tờ có giá từ 50 triệu đồng trở lên.
7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:
 - a) Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...);
 - b) Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, tiền điện tử, các loại tài sản khác...);
 - c) Các quyền tài sản khác (quyền đối với đối tượng sở hữu trí tuệ,...).

8. Tài sản ở nước ngoài (gồm tất cả tài sản quy định từ Khoản 1 đến Khoản 7 của Điều này ngoài lãnh thổ Việt Nam).

9. Tài khoản ngân hàng ở nước ngoài, tài khoản khác ở nước ngoài có thể thực hiện các giao dịch bằng tiền, tài sản.

10. Tổng thu nhập giữa 02 lần kê khai.

Điều 10. Mẫu Bản kê khai và việc thực hiện kê khai tài sản, thu nhập

Việc kê khai lần đầu, kê khai bổ sung, kê khai hàng năm và kê khai phục vụ công tác cán bộ được thực hiện theo Mẫu bản kê khai và Hướng dẫn việc kê khai ban hành tại Phụ lục kèm theo Nghị định này.

Điều 11. Các ngạch công chức phải kê khai tài sản, thu nhập hàng năm

1. Chấp hành viên
2. Điều tra viên
3. Kế toán viên
4. Kiểm lâm viên
5. Kiểm sát viên
6. Kiểm soát viên ngân hàng
7. Kiểm soát viên thị trường
8. Kiểm tra viên thuế
9. Kiểm toán viên
10. Kiểm tra viên hải quan
11. Kiểm tra viên của Đảng
12. Thanh tra viên
13. Thẩm phán

Điều 12. Người giữ vị trí công tác phải kê khai tài sản hàng năm

1. Người giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý từ Phó trưởng phòng và tương đương trở lên có phụ cấp chức vụ từ 0,4 trở lên làm công tác sau đây phải kê khai tài sản hàng năm:

- Thẩm định nhân sự để trình cấp có thẩm quyền bổ nhiệm, điều động, luân chuyển, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức.

- Tổ chức tuyển dụng, thi nâng ngạch cán bộ, công chức, viên chức.

- Thẩm định hồ sơ để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt về tổ chức bộ máy, biên chế.

- Thẩm định các đề án thành lập mới, sắp xếp lại các cơ quan, tổ chức, đơn vị và doanh nghiệp nhà nước, tổ chức phi chính phủ, hội nghề nghiệp.

- Thẩm định hồ sơ đề nghị thành lập mới, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính các cấp.

- Thẩm định hồ sơ để trình cấp có thẩm quyền quyết định các hình thức thi đua, khen thưởng, kỷ luật.

- Phân bổ chỉ tiêu, ngân sách đào tạo.

- Quản lý các đối tượng nộp thuế.
- Thu thuế, kiểm soát thuế, hoàn thuế, quyết toán thuế, quản lý và cấp phát ấn chỉ.
- Kiểm hóa hàng hóa xuất nhập khẩu.
- Thẩm định, kiểm tra và quyết toán kinh phí theo quy định của Luật ngân sách.
- Cấp giấy phép hoạt động ngân hàng, tổ chức tín dụng.
- Thực hiện nghiệp vụ tín dụng; thẩm định và cho vay tín dụng.
- Xử lý công nợ, các khoản nợ xấu; hoạt động mua và bán nợ; thẩm định, định giá trong đấu giá.
- Cấp phát tiền, hàng thuộc Kho bạc nhà nước và dự trữ quốc gia.
- Thanh toán bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.
- Cấp phép hoạt động ngoại hối, kinh doanh vàng, bạc, đá quý.
- Giám sát hoạt động ngân hàng.
- Cấp các loại giấy phép liên quan đến xuất nhập khẩu, dịch vụ thương mại.
- Cấp giấy phép liên quan đến việc bảo đảm tiêu chuẩn an toàn trong sản xuất, kinh doanh.
- Kiểm soát thị trường, quản lý thị trường.
- Cấp giấy phép trong lĩnh vực xây dựng.
- Thẩm định dự án xây dựng.
- Quản lý quy hoạch xây dựng.
- Quản lý, giám sát chất lượng các công trình xây dựng.
- Giám định kỹ thuật, quản lý các công trình giao thông.
- Đăng kiểm các loại phương tiện giao thông.
- Sát hạch, cấp phép cho người điều khiển phương tiện giao thông.
- Cấp giấy chứng nhận vệ sinh, an toàn thực phẩm.
- Cấp giấy chứng nhận hành nghề y, dược.
- Cấp phép, giấy chứng nhận cơ sở đạt tiêu chuẩn sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm.
- Cấp giấy phép nhập khẩu thuốc tân dược.
- Cấp giấy phép nhập khẩu hóa chất diệt côn trùng, khử trùng.
- Cấp giấy chứng nhận nhập khẩu mỹ phẩm.
- Kiểm định tiêu chuẩn, chất lượng sản phẩm.
- Quản lý, giám sát, cung ứng các loại thuốc; dược liệu, dụng cụ, thiết bị vật tư y tế; các loại sản phẩm màu liên quan đến việc bảo vệ chăm sóc sức khỏe con người và lợi ích xã hội.
- Thẩm định và định giá các loại thuốc tân dược.
- Cấp giấy phép kinh doanh lẻ hành quốc tế.

- Cấp giấy phép công nhận cơ sở lưu trú du lịch.
- Cấp giấy phép công nhận di tích lịch sử xếp hạng cấp quốc gia.
- Cấp giấy phép thăm dò, khai quật khảo cổ.
- Cấp giấy phép đưa di vật, cổ vật ra nước ngoài.
- Cấp giấy phép biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp.
- Cấp giấy phép xuất nhập khẩu và phổ biến các ấn phẩm văn hóa.
- Thẩm định hồ sơ xếp hạng khách sạn.
- Thẩm định và cấp phép chương trình, tiết mục, vở diễn của các tổ chức cá nhân Việt Nam đi biểu diễn ở nước ngoài và các tổ chức, cá nhân nước ngoài vào biểu diễn tại Việt Nam.
- Thẩm định, trình phê duyệt các dự án bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích lịch sử quốc gia và di tích quốc gia đặc biệt theo quy định của pháp luật.
- Trình phê duyệt hoặc thỏa thuận việc xây dựng các công trình ở khu vực bảo vệ II đối với di tích quốc gia và di tích quốc gia đặc biệt.
- Cấp giấy phép hoạt động về bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin, báo chí và xuất bản.
- Cấp và phân bổ tài nguyên thông tin (kho số, tần số, tài nguyên Internet, quỹ đạo vệ tinh).
- Quản lý các chương trình quảng cáo trên các phương tiện phát thanh, truyền hình, trên Internet.
- Phân bổ, thẩm định, quản lý các dự án, đề án thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin và truyền thông.
- Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất.
- Cấp giấy phép khảo sát, thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản.
- Cấp giấy phép xử lý, vận chuyển chất thải nguy hại.
- Cấp giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn môi trường.
- Cấp giấy phép về thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước và xả nước thải vào nguồn nước.
- Xử lý hồ sơ giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất, đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu, sử dụng tài sản gắn liền với đất.
- Giao hạn mức đất; mức bồi thường, hỗ trợ trong giải phóng mặt bằng.
- Xử lý vi phạm về môi trường.
- Thẩm định, lập kế hoạch, kiểm soát, giám sát, điều phối, đền bù, giải phóng mặt bằng.
- Quản lý động vật thuộc danh mục quý hiếm.
- Kiểm dịch động vật.
- Kiểm soát thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật, bệnh động vật, gia súc, gia cầm.

- Theo dõi, quản lý bảo vệ nguồn lợi thủy sản, quản lý chất lượng an toàn vệ sinh, thú y, thủy sản.
- Thẩm định, cấp giấy chứng nhận đầu tư
- Thẩm định dự án.
- Đấu thầu
- Lập, phân bổ, quản lý kế hoạch vốn.
- Quản lý quy hoạch.
- Quản lý khu công nghiệp - khu chế xuất.
- Quản lý doanh nghiệp và đăng ký kinh doanh.
- Quản lý ODA.
- Tiếp nhận và xử lý hồ sơ lãnh sự, cấp visa, quản lý xuất, nhập cảnh.
- Đăng ký kết hôn, cho nhận con nuôi có yếu tố nước ngoài, đăng ký giao dịch bảo đảm.
- Cải chính tư pháp, lý lịch tư pháp.
- Cấp phép hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.
- Cấp phép thành lập các trường cao đẳng nghề, trung cấp nghề; cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động dạy nghề cho các cơ sở dạy nghề; phân bổ chỉ tiêu, kinh phí dạy nghề.
- Thực hiện chính sách đối với người có công; bảo trợ xã hội.
- Hợp tác, trao đổi khoa học và công nghệ có yếu tố nước ngoài.
- Thẩm định hồ sơ cấp, điều chỉnh, thu hồi, gia hạn các loại giấy phép, giấy chứng nhận, giấy đăng ký trong quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ.
- Thẩm định, giám định công nghệ đối với các dự án đầu tư.
- Thẩm định, tư vấn cấp các văn bằng sở hữu trí tuệ.
- Phân bổ, thẩm định các đề tài nghiên cứu khoa học thuộc lĩnh vực Khoa học và Công nghệ.
- Tuyển sinh vào các trường công lập.
- Phân bổ chỉ tiêu đào tạo đại học, sau đại học và chỉ tiêu đào tạo ở nước ngoài.
- Thẩm định, phê duyệt chương trình đào tạo, bồi dưỡng của các nhà trường trong hệ thống giáo dục quốc dân.
- Thẩm định sách giáo khoa, giáo cụ giảng dạy, các vật tư kỹ thuật khác phục vụ giảng dạy, nghiên cứu.
- Thẩm định hồ sơ thành lập các trường trong hệ thống giáo dục quốc dân.
- Quản lý các dự án, đề án thuộc lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo.
- Dạy nghề và giới thiệu việc làm.
- Quản lý các đề tài nghiên cứu khoa học.
- Kiểm soát cửa khẩu.

- Tuân tra, kiểm tra, kiểm soát và xử lý về an toàn giao thông đường bộ, đường thủy, đường sắt.
- Đăng ký, quản lý các ngành nghề kinh doanh có điều kiện.
- Thủ quỹ, kế toán.
- Công chức thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành.

2. Người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

3. Người thuộc Bộ Công an, Bộ Quốc phòng giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý từ Phó trưởng phòng và tương đương trở lên có phụ cấp chức vụ từ 0,5 trở lên làm công tác quy định tại Khoản 1 điều này.

Điều 13. Tiếp nhận Bản kê khai tài sản, thu nhập

1. Thanh tra Chính phủ tiếp nhận Bản kê khai của những người giữ chức vụ sau:

a) Những người có phụ cấp chức vụ lãnh đạo từ 0,9 trở lên;

b) Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc, Thành viên HĐQT, Trưởng ban Kiểm soát, Kế toán trưởng doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ và do Ủy ban quản lý vốn nhà nước trực tiếp làm đại diện chủ sở hữu.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập, cơ quan, tổ chức do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập; Chủ tịch HĐND, Chủ tịch UBND cấp tỉnh tổ chức tiếp nhận, bàn giao Bản kê khai của mình và của người thuộc phạm vi quản lý, sử dụng của mình quy định tại Khoản 1 Điều này cho Thanh tra Chính phủ tại đơn vị quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về KSTSTN.

3. Đối với người có nghĩa vụ kê khai không thuộc diện kiểm soát của Thanh tra Chính phủ thì người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm tiếp nhận, bàn giao Bản kê khai cho các cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập khác theo quy định tại Điều 30 của Luật PCTN.

4. Trường hợp Người kê khai đồng thời thuộc đối tượng kiểm soát của nhiều cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập thì thực hiện theo quy chế phối hợp do Thanh tra Chính phủ và cơ quan có thẩm quyền của Đảng cộng sản Việt nam ban hành theo quy định tại Khoản 7 Điều 4 Nghị định này.

5. Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao quy định việc tổ chức tiếp nhận, bàn giao bản kê khai của người có nghĩa vụ kê khai thuộc phạm vi kiểm soát tài sản, thu nhập của mình. Việc nhập thông tin vào Cơ sở dữ liệu Quốc gia được thực hiện theo quy định của Thanh tra Chính phủ.

Chương IV

CÔNG KHAI BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP

Điều 14. Công khai bản kê khai tại cơ quan, tổ chức, đơn vị

1. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị công khai Bản kê khai tài sản, thu nhập của cán bộ, công chức, viên chức bằng hình thức niêm yết tại trụ sở cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi người có nghĩa vụ kê khai thường xuyên làm việc.

Việc công khai được thực hiện chậm nhất 05 ngày kể từ ngày cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng người có nghĩa vụ kê khai bàn giao Bản kê khai cho Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập có thẩm quyền.

2. Thời gian niêm yết là 30 ngày. Vị trí niêm yết phải đảm bảo an toàn, thuận tiện để mọi người trong cơ quan, tổ chức, đơn vị xem các Bản kê khai. Sau khi niêm yết, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm lập biên bản về việc tổ chức công khai. Biên bản phải ghi rõ các bản kê khai đã được niêm yết công khai, có ký xác nhận của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị và đại diện tổ chức công đoàn.

Điều 15. Công khai Bản kê khai của người dự kiến được bổ nhiệm giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý.

1. Bản kê khai tài sản, thu nhập của người dự kiến được bổ nhiệm giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý tại cơ quan, tổ chức, đơn vị được công khai bằng hình thức niêm yết tại cuộc họp lấy phiếu tín nhiệm.

2. Cơ quan, tổ chức, đơn vị chủ trì thực hiện quy trình lấy phiếu tín nhiệm thì đồng thời thực hiện việc niêm yết Bản kê khai tài sản, thu nhập trước khi tiến hành lấy phiếu. Việc công khai Bản kê khai tài sản phải được ghi vào biên bản các cuộc họp lấy phiếu tín nhiệm.

Điều 16. Công khai Bản kê khai của người dự kiến được bổ nhiệm, bầu giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý tại doanh nghiệp nhà nước

1. Bản kê khai của người dự kiến bổ nhiệm, bầu giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý tại doanh nghiệp nhà nước được niêm yết công khai tại cuộc họp lấy phiếu tín nhiệm khi tiến hành bổ nhiệm hoặc tại cuộc họp của Hội đồng thành viên khi tiến hành bầu các chức vụ lãnh đạo, quản lý.

2. Cơ quan, tổ chức, đơn vị chủ trì thực hiện quy trình lấy phiếu tín nhiệm để bổ nhiệm hoặc quy trình bầu các chức vụ lãnh đạo, quản lý thì đồng thời thực hiện việc niêm yết Bản kê khai tài sản, thu nhập trước khi tiến hành lấy phiếu hoặc bầu. Việc công khai bản kê khai tài sản phải được ghi vào biên bản cuộc họp lấy phiếu tín nhiệm hoặc bầu chức vụ lãnh đạo, quản lý.

Chương V

XÁC MINH TÀI SẢN, THU NHẬP HÀNG NĂM

Điều 17. Xây dựng, phê duyệt kế hoạch xác minh tài sản, thu nhập hàng năm

1. Việc xây dựng kế hoạch xác minh tài sản, thu nhập hàng năm phải đảm bảo có trọng tâm, trọng điểm, đáp ứng yêu cầu của công tác PCTN.

2. Người đứng đầu cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập tổ chức việc xây dựng kế hoạch xác minh tài sản, thu nhập hàng năm và phê duyệt chậm nhất là ngày 30

tháng 01 hàng năm, trong đó xác định cụ thể các cơ quan, tổ chức, đơn vị được xác minh. Trường hợp cần thiết, cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập phối hợp với cơ quan kiểm tra cùng cấp của Đảng xây dựng kế hoạch xác minh tài sản, thu nhập hàng năm.

3. Số lượng cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính, Bộ Ngoại giao, Bộ Công thương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đưa vào kế hoạch xác minh hàng năm tối thiểu bằng 10% số cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc thẩm quyền kiểm soát; đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị còn lại đưa vào kế hoạch xác minh hàng năm tối thiểu bằng 20% số cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc thẩm quyền kiểm soát.

4. Chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày ban hành kế hoạch xác minh, cơ quan KSTSTN tổ chức buổi bốc thăm (hoặc sử dụng phần mềm lựa chọn ngẫu nhiên) để lựa chọn người được xác minh ngẫu nhiên và mời đại diện UBMTTQ, cơ quan nội chính, kiểm tra Đảng cùng cấp, đại diện cơ quan tổ chức đơn vị được xác minh tham dự.

Số người được lựa chọn xác minh ngẫu nhiên tùy thuộc vào điều kiện cụ thể của cơ quan KSTSTN nhưng ít nhất là 02 người tại mỗi cơ quan, tổ chức, đơn vị được xác minh theo kế hoạch, trong đó có ít nhất 01 người là người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị.

5. Kế hoạch xác minh tài sản, thu nhập của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ do cơ quan thanh tra xây dựng, trình Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ phê duyệt. Nơi không có cơ quan thanh tra thì do đơn vị phụ trách công tác tổ chức cán bộ thực hiện.

Điều 18. Tiêu chí lựa chọn người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập được xác minh ngẫu nhiên theo kế hoạch hàng năm

1. Là đối tượng thuộc diện phải kê khai tài sản, thu nhập hàng năm.
2. Không thuộc một trong các trường hợp sau:
 - a) Người đang bị điều tra, truy tố, xét xử;
 - b) Người đang điều trị bệnh hiểm nghèo được cơ quan y tế có thẩm quyền xác nhận;
 - c) Người đang học tập, công tác ở nước ngoài từ 12 tháng trở lên ;
 - d) Phụ nữ đang trong thời gian mang thai hoặc nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi; nam giới đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi do vợ mất hoặc trong trường hợp khách quan khác;
 - đ) Đã được xác minh về tài sản, thu nhập trong thời gian 03 năm liền trước đó tính đến năm phê duyệt kế hoạch.

Điều 19. Ban hành quyết định xác minh

1. Người đứng đầu Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập ra quyết định xác minh tài sản, thu nhập trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày có kế hoạch xác minh.

2. Nội dung quyết định xác minh và việc gửi quyết định xác minh được thực hiện theo quy định Khoản 2 và Khoản 3 Điều 45 Luật phòng, chống tham nhũng. Trường hợp người được xác minh thuộc phạm vi kiểm soát của nhiều cơ quan KSTSTN thì quyết định xác minh được gửi đến các cơ quan đó.

Điều 20. Trưng tập người tham gia Tổ xác minh

Trong trường hợp cần thiết, cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập có quyền trưng tập người tham gia tổ xác minh như sau:

1. Thanh tra Chính phủ trưng tập cán bộ, công chức, viên chức thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan Trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội, Thanh tra tỉnh tham gia Tổ xác minh do Thanh tra Chính phủ quyết định thành lập.

2. Thanh tra cấp tỉnh trưng tập cán bộ, công chức, viên chức thuộc thanh tra huyện, thanh tra sở, cơ quan cấp tỉnh của các tổ chức chính trị - xã hội tham gia tổ xác minh do thanh tra cấp tỉnh thành lập.

3. Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trưng tập công chức, viên chức thuộc các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ tham gia tổ xác minh do mình quyết định thành lập.

4. Cơ quan KSTSTN của Đảng, cơ quan Trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội, Cơ quan giúp Ủy ban Thường vụ Quốc hội về công tác đại biểu, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chủ tịch nước quy định trưng tập cán bộ, công chức, viên chức tham gia tổ xác minh do mình quyết định thành lập.

Điều 21. Nhiệm vụ, quyền hạn của Tổ xác minh

1. Tổ trưởng Tổ xác minh có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Yêu cầu người được xác minh giải trình về tính trung thực, đầy đủ, rõ ràng của bản kê khai, nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm so với tài sản, thu nhập đã kê khai lần liền trước đó;

b) Yêu cầu cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan đến nội dung xác minh theo quy định tại Khoản 3 Điều 31 của Luật phòng, chống tham nhũng;

c) Kiến nghị cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền hoặc cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân đang quản lý tài sản, thu nhập áp dụng biện pháp cần thiết theo quy định của pháp luật để ngăn chặn việc tẩu tán, hủy hoại, chuyển dịch tài sản, thu nhập hoặc hành vi khác cản trở hoạt động xác minh tài sản, thu nhập;

d) Đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền định giá, thẩm định giá, giám định tài sản, thu nhập phục vụ cho việc xác minh;

đ) Báo cáo kết quả xác minh tài sản, thu nhập bằng văn bản với người ra quyết định xác minh và chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước người ra quyết định xác minh về nội dung báo cáo;

e) Giữ bí mật thông tin, tài liệu thu thập được trong quá trình xác minh;

g) Yêu cầu người có thẩm quyền tạm giữ tài sản, tiền, đồ vật, giấy phép sử dụng trái pháp luật khi xét thấy cần ngăn chặn ngay việc vi phạm pháp luật hoặc để xác minh tình tiết làm chứng cứ cho việc kết luận, xử lý;

h) Kiến nghị thủ trưởng cơ quan KSTSTN trung cầu giám định về vấn đề liên quan đến nội dung xác minh;

i) Kiến nghị thủ trưởng cơ quan KSTSTN yêu cầu tổ chức tín dụng, kho bạc nhà nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam, cơ quan công an, quản lý thuế, hải quan, quản lý về đất đai và cơ quan, tổ chức, đơn vị cá nhân khác có liên quan nơi người kê khai tài sản, thu nhập có tài khoản, tài sản, phong tỏa tài khoản, tài sản đó để phục vụ việc xác minh khi có căn cứ cho rằng đối tượng kê khai tài sản, thu nhập tẩu tán tài sản;

k) Kiến nghị thủ trưởng cơ quan KSTSTN yêu cầu hoặc kiến nghị người có thẩm quyền tạm đình chỉ công tác và xử lý đối với cán bộ, công chức, viên chức cố ý cản trở việc xác minh tài sản, thu nhập hoặc không thực hiện yêu cầu, kiến nghị, quyết định xác minh tài sản, thu nhập;

l) Kiến nghị thủ trưởng cơ quan KSTSTN chuyển hồ sơ vụ việc sang cơ quan điều tra khi phát hiện có dấu hiệu tội phạm, thông báo bằng văn bản cho Viện kiểm sát cùng cấp.

2. Thành viên Tổ xác minh có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Thu thập thông tin, tài liệu, xác minh tại chỗ đối với tài sản, thu nhập và thực hiện nhiệm vụ khác theo sự phân công của Tổ trưởng;

b) Kiến nghị Tổ trưởng Tổ xác minh áp dụng biện pháp quy định tại khoản 1 Điều này để bảo đảm thực hiện nhiệm vụ được giao;

c) Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao với Tổ trưởng và chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Tổ trưởng về nội dung báo cáo;

d) Giữ bí mật thông tin, tài liệu thu thập được trong quá trình xác minh.

Chương VI

CƠ SỞ DỮ LIỆU QUỐC GIA VỀ KIỂM SOÁT TÀI SẢN, THU NHẬP

Điều 22. Nguyên tắc xây dựng, bảo vệ, lưu trữ, khai thác, cung cấp thông tin cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập

1. Tuân thủ quy định của Luật phòng, chống tham nhũng, Nghị định này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Thông tin thuộc cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập phải được lưu trữ đầy đủ, kịp thời, chính xác; khai thác, sử dụng đúng mục đích, có hiệu quả, đúng quy định của pháp luật; bảo đảm yêu cầu của việc kiểm soát tài sản, thu nhập, công tác quản lý nhà nước về phòng, chống tham nhũng và công tác quản lý cán bộ.

3. Cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập phải được bảo vệ chặt chẽ, an toàn theo quy định của pháp luật; tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn

kỹ thuật về ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước; bảo đảm sự tương thích, thông suốt an toàn giữa các hệ thống thông tin.

Điều 23. Xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập

1. Cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập bao gồm toàn bộ thông tin về bản kê khai, kết luận xác minh tài sản, thu nhập và các dữ liệu khác có liên quan đến việc kiểm soát tài sản, thu nhập của các cơ quan KSTSTN theo quy định của Luật PCTN năm 2018 và Nghị định này.

2. Xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập là quá trình thu thập, tích lũy, tập hợp thông tin về bản kê khai tài sản, thu nhập; các thông tin tổng hợp, thông tin khác có liên quan về kiểm soát tài sản, thu nhập; chuẩn hóa, nhập và cập nhật hoàn chỉnh vào hệ thống lưu trữ điện tử, theo cấu trúc nhất định, phù hợp với nhu cầu quản lý nhà nước về phòng, chống tham nhũng.

3. Cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập được xây dựng phù hợp với khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật cơ sở dữ liệu quốc gia, các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật công nghệ thông tin, an toàn, an ninh thông tin và định mức kinh tế - kỹ thuật.

4. Cơ sở dữ liệu quốc gia về KSTSTN được xây dựng và quản lý tại đơn vị quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về KSTSTN thuộc Cục Phòng, Chống tham nhũng, Thanh tra Chính phủ, kết nối với cơ sở dữ liệu về kiểm soát tài sản, thu nhập được xây dựng tại các cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập.

5. Tổng Thanh tra Chính phủ trình Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ của đơn vị quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về KSTSTN và Đề án xây dựng Cơ sở dữ liệu Quốc gia về Kiểm soát tài sản, thu nhập, đề xuất cụ thể phương án đầu tư xây dựng các cơ sở dữ liệu trong phạm vi toàn quốc đáp ứng yêu cầu quản lý tập trung và bảo đảm an ninh, an toàn, bảo mật thông tin cơ sở dữ liệu.

Điều 24. Bảo vệ, lưu trữ thông tin cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập

1. Thanh tra Chính phủ có trách nhiệm:

a) Bảo đảm đầy đủ, kịp thời kinh phí xây dựng và vận hành hệ thống hạ tầng kỹ thuật cho Cơ sở dữ liệu quốc gia về KSTSTN;

b) Tổ chức bộ máy và cán bộ chuyên trách vận hành Cơ sở dữ liệu quốc gia về KSTSTN;

c) Thực hiện các biện pháp bảo đảm an ninh, an toàn thông tin Cơ sở dữ liệu quốc gia về KSTSTN;

d) Thực hiện các biện pháp sao lưu, dự phòng để bảo đảm khả năng khắc phục sự cố, phục hồi dữ liệu;

đ) Thực hiện các biện pháp bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa để bảo đảm Cơ sở dữ liệu quốc gia về KSTSTN hoạt động thường xuyên, ổn định.

2. Trong phạm vi kiểm soát của mình, cơ quan KSTSTN có trách nhiệm nhập thông tin quy định tại Khoản 1 Điều 21 Nghị định này vào CSDL Quốc gia và

lưu trữ hồ sơ, tài liệu liên quan theo quy định của pháp luật; thực hiện các biện pháp bảo đảm an ninh, an toàn thông tin, dữ liệu trong phạm vi quản lý của mình.

Điều 25. Khai thác, cung cấp Cơ sở dữ liệu Quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập

1. Thanh tra Chính phủ yêu cầu cung cấp, khai thác thông tin, dữ liệu về kiểm soát tài sản, thu nhập trong phạm vi cả nước. Cơ quan KSTSTN khác khai thác thông tin, dữ liệu quan đến người có nghĩa vụ kê khai thuộc phạm vi kiểm soát của mình.

2. Trường hợp các cơ quan tổ chức, cá nhân có thẩm quyền quy định tại Điều 42 của Luật phòng, chống tham nhũng có yêu cầu tra cứu, cung cấp thông tin, tài liệu lưu trữ trong cơ sở dữ liệu về kiểm soát tài sản, thu nhập thì phải tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, pháp luật về lưu trữ và trình tự, thủ tục, quy trình quản lý dữ liệu của cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản, thu nhập.

3. Việc cung cấp thông tin CSDL quốc gia được thực hiện như sau:

a) Cơ quan KSTSTN cung cấp thông tin, dữ liệu quan đến người có nghĩa vụ kê khai thuộc phạm vi kiểm soát của mình.

b) Thanh tra Chính phủ cung cấp thông tin theo yêu cầu của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Hội đồng bầu cử quốc gia.

c) Cục trưởng Cục Phòng, Chống tham nhũng cung cấp thông tin theo yêu cầu của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền khác được quy định tại khoản 1 Điều 42 Luật PCTN năm 2018;

d) Đơn vị quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về KSTSTN tổng hợp, báo cáo Tổng Thanh tra Chính phủ, Cục trưởng Cục Phòng, Chống tham nhũng về thông tin, dữ liệu thuộc CSDL Quốc gia để cung cấp theo quy định tại Điểm a, Điểm b Khoản này.

4. Tổng thanh tra Chính phủ ban hành Quy chế về khai thác, cung cấp thông tin cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập.

Chương VII

XỬ LÝ VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ KIỂM SOÁT TÀI SẢN, THU NHẬP

Điều 26. Xử lý vi phạm đối với người kê khai

1. Người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập không trung thực, giải trình nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm không trung thực thì tùy tính chất, mức độ mà bị xử lý cảnh cáo, miễn nhiệm.

2. Người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập có hành vi cản trở, chống đối cơ quan có thẩm quyền trong KSTSTN, tẩu tán tài sản thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm bị xử lý giáng chức, cách chức, bãi nhiệm, buộc thôi việc, giáng cấp

bậc quân hàm, tước quân hàm sỹ quan, tước danh hiệu quân nhân, tước danh hiệu công an nhân dân.

3. Người chậm nộp bản kê khai tài sản, thu nhập mà không có lý do chính đáng thì bị xử lý kỷ luật như sau:

a) Áp dụng hình thức kỷ luật khiển trách đối với người chậm nộp trên 15 ngày đến 30 ngày;

b) Áp dụng hình thức kỷ luật cảnh cáo đối với người chậm nộp trên 30 ngày đến 45 ngày;

c) Áp dụng hình thức kỷ luật buộc thôi việc đối với người chậm nộp trên 45 ngày.

Điều 27. Xử lý vi phạm khác trong KSTSTN

1. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị mà thiếu trách nhiệm trong việc tổ chức việc kê khai, công khai, nộp bản kê khai thuộc phạm vi quản lý, sử dụng của mình thì tùy theo tính chất, mức độ bị xử lý kỷ luật bằng hình thức khiển trách, cảnh cáo, giáng chức.

2. Người đứng đầu cơ quan KSTSTN, người tiến hành xác minh TSTN nếu có hành vi vi phạm trong việc tiếp nhận Bản kê khai, quản lý, sử dụng CSĐL về KSTSTN, tiến hành xác minh, kết luận xác minh, công khai kết quả xác minh TSTN thì tùy theo tính chất, mức độ bị xử lý kỷ luật bằng hình thức khiển trách, cảnh cáo, giáng chức, cách chức.

3. Hành vi không thực hiện, thực hiện không đúng, không đầy đủ, không kịp thời yêu cầu của cơ quan KSTSTN thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật.

4. Các vi phạm quy định tại Điều 24, Khoản 1, 2, 3 Điều 25 của Nghị định này nếu cấu thành tội phạm thì bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của Bộ luật hình sự.

Điều 28. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục xử lý kỷ luật đối với hành vi vi phạm các quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập

1. Việc xử lý kỷ luật hành vi vi phạm của cán bộ, công chức, viên chức thực hiện theo quy định của pháp luật về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức.

2. Việc xử lý kỷ luật hành vi vi phạm của người làm việc trong Quân đội nhân dân, Công an nhân dân thực hiện theo quy định về xử lý kỷ luật trong Quân đội nhân dân, Công an nhân dân.

3. Việc xử lý kỷ luật hành vi vi phạm của người làm việc trong doanh nghiệp nhà nước được thực hiện theo quy định về xử lý kỷ luật trong doanh nghiệp nhà nước.

3. Việc xử lý kỷ luật hành vi vi phạm của người đại diện phần vốn nhà nước trong doanh nghiệp được thực hiện theo quy định về quản lý người đại diện phần vốn nhà nước trong doanh nghiệp.

5. Việc xử lý kỷ luật hành vi vi phạm của người làm việc trong các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội thực hiện theo quy định của tổ chức đó.

Điều 29. Công khai quyết định kỷ luật

1. Quyết định kỷ luật đối với người vi phạm quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập được niêm yết công khai tại cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi người bị xử lý kỷ luật thường xuyên làm việc trong thời gian 30 ngày.

2. Ngoài việc niêm yết công khai, người có thẩm quyền xử lý kỷ luật có thể lựa chọn thực hiện thêm hình thức thông báo tại Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của cơ quan, tổ chức, đơn vị trong thời hạn 30 ngày.

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 30. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày.....tháng năm 2020.

Nghị định số 78/2013/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về minh bạch tài sản, thu nhập hết hiệu lực thi hành.

Điều 34. Trách nhiệm thi hành

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTCP, Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, V.I (3b).

Nguyễn Xuân Phúc

MẪU BẢN KÊ KHAI VÀ HƯỚNG DẪN VIỆC KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP
(Ban hành kèm theo Nghị định số /NĐ-CP ngày...tháng... năm 2019)

I. MẪU BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP

BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP (1)

(Ngày.....thángnăm.....)(2)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên:.....Ngày tháng năm sinh:.....

- Chức vụ/chức danh công tác:.....

- Cơ quan/đơn vị công tác:.....

- Nơi thường trú:.....

- Số căn cước công dân (3) :.....

(Hoặc chứng minh thư:.....ngày cấp.....nơi cấp.....)

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên:.....Ngày tháng năm sinh:.....

- Chức vụ/chức danh công tác:.....

- Cơ quan/đơn vị công tác (4):.....

- Nơi thường trú:.....

- Số căn cước công dân :.....

(Hoặc chứng minh thư:.....ngày cấp.....nơi cấp.....)

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

3.1. Con thứ nhất:

- Họ và tên:.....Ngày tháng năm sinh:.....

- Nơi thường trú:.....

- Số căn cước công dân :.....

(Hoặc chứng minh thư:.....ngày cấp.....nơi cấp.....)

3.2. Con thứ hai (trở lên): Kê khai như con thứ nhất.

II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN (5)

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất (6):

1.1. Đất ở (7):

1.1.1 Thừa thứ nhất:

+ Địa chỉ (8):

+ Diện tích (9):

- + Giá trị (10):
- + Giấy chứng nhận quyền sử dụng (11):
- + Thông tin khác (nếu có)(12):
- 1.1.2 Thừa thứ 2: (Mô tả như thừa thứ nhất).
- 1.2. Các loại đất khác (13):
- 1.2.1. Thừa thứ nhất:
- + Loại đất:.....Địa chỉ
- + Diện tích:
- + Giá trị:
- + Giấy chứng nhận quyền sử dụng:
- + Thông tin khác (nếu có):
- 1.2.2. Thừa thứ hai: (Mô tả như thừa thứ nhất).
- 2. Nhà ở, công trình xây dựng:**
- 2.1. Nhà ở:
- 2.1.1 Nhà thứ nhất:
- + Địa chỉ:.....
- + Loại nhà (14):
- + Diện tích sử dụng (15):
- + Giá trị:
- + Giấy chứng nhận quyền sở hữu:
- + Thông tin khác (nếu có):
- 2.1.2 Nhà thứ hai (trở lên): Kê khai tương tự như nhà thứ nhất.
- 2.2. Công trình xây dựng khác (16):
- 2.2.1 Công trình thứ nhất:
- + Tên công trìnhĐịa chỉ:.....
- + Loại công trình Cấp công trình
- + Diện tích:
- + Giá trị:
- + Giấy chứng nhận quyền sở hữu:
- + Thông tin khác (nếu có):
- 2.2.2 Công trình thứ hai (trở lên): Kê khai tương tự như công trình thứ nhất.
- 3. Tài sản khác gắn liền với đất (17)
- 3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất là rừng trồng.
- 3.1.Cây lâu năm (18):

3.1.1 Loại cây.....Số lượng:.....Giá trị ước tính:.....

3.1.2 Loại cây.....Số lượng:.....Giá trị ước tính:.....

3.2. Rừng sản xuất là rừng trồng (19):

Loại rừng.....Diện tích:.....Giá trị:.....

Loại rừng.....Diện tích:.....Giá trị:.....

3.3 Vật kiến trúc khác gắn liền với đất

Tên gọi:.....Số lượng:.....Giá trị.....

Tên gọi:.....Số lượng:.....Giá trị.....

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (20).

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên.(21)

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại)

6.1. Cổ phiếu

- Tên cổ phiếu:.....Số lượng:..... Giá mua:.....

- Tên cổ phiếu:.....Số lượng:..... Giá mua:.....

6.2. Trái phiếu

- Tên trái phiếu:.....Số lượng:..... Giá mua:.....

- Tên trái phiếu:.....Số lượng:..... Giá mua:.....

6.3. Vốn góp (22)

- Hình thức góp vốn:.....Giá trị:.....

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác (23)

- Tên giấy tờ có giá:.....Giá trị.....

- Tên giấy tờ có giáGiá trị.....

7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...).(24)

Tên tài sản:.....Số đăng ký.....Giá trị.....

Tên tài sản:.....Số đăng ký.....Giá trị.....

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bộ bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, tiền điện tử, các loại tài sản khác...).(25)

Tên tài sản:.....Năm bắt đầu sở hữu.....Giá trị.....

Tên tài sản:.....Năm bắt đầu sở hữu.....Giá trị.....

8. Tài sản ở nước ngoài (26)

Kê khai từng tài sản tương tự Mục 1 đến Mục 7 và nêu rõ tài sản đang ở nước nào.

9. Tài khoản ở nước ngoài. (27)

Tên chủ tài khoản:....., số tài khoản:.....

Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản:.....

10. Tổng thu nhập giữa 02 lần kê khai. (28)

Tổng toàn bộ thu nhập của người kê khai, vợ hoặc chồng, con chưa thành niên của người kê khai tính từ thời điểm kê khai trước đó đến ngày kê khai.

III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM (29)

Loại tài sản, thu nhập	Tăng (30)/ giảm (31)		Nội dung giải trình nguồn gốc tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng	Giá trị	
<p>1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất:</p> <p>1.1. Đất ở:</p> <p>1.2. Các loại đất khác:</p> <p>2. Nhà ở, công trình xây dựng:</p> <p>2.1. Nhà ở:</p> <p>2.2. Công trình xây dựng khác:</p> <p>3. Tài sản khác gắn liền với đất</p> <p>3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất là rừng trồng</p> <p>3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất</p> <p>4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên.</p> <p>5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên.</p> <p>6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại)</p> <p>6.1. Cổ phiếu</p> <p>6.2. Trái phiếu</p> <p>6.3. Vốn góp</p>			

<p>6.4. Các loại giấy tờ có giá khác</p> <p>7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:</p> <p>7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, máy cày, xe gắn máy...).</p> <p>7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bộ bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, tiền điện tử, các loại tài sản khác...).</p> <p>8. Tài sản ở nước ngoài.</p> <p>9. Tổng thu nhập giữa 02 lần kê khai. (32)</p>		
--	--	--

Ngày nhận Bản kê khai tài sản, thu nhập
..... ngày.....tháng.....năm.....

Người nhận Bản kê khai
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ/chức danh)

Ngày hoàn thành Bản kê khai tài sản, thu nhập
..... ngày.....tháng.....năm.....

Người kê khai tài sản
(Ký, ghi rõ họ tên)

II. HƯỚNG DẪN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP

A. Ghi chú chung

(1) Người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập không tự ý thay đổi tên gọi, thứ tự các nội dung quy định tại mẫu này; Trường hợp không đủ chỗ để ghi thông tin thì có thể thêm dòng ở phần tương ứng để ghi các thông tin theo từng nội dung quy định; Người kê khai phải ghi rõ họ tên, ngày, tháng, năm hoàn thành Bản kê khai, ký ở từng trang và trang cuối cùng của Bản kê khai. Người được giao nhiệm vụ tiếp nhận Bản kê khai của cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý Người có nghĩa vụ kê khai phải kiểm tra tính đầy đủ các nội dung phải kê khai và ghi rõ họ tên đầy đủ, ngày tháng năm nhận Bản kê khai và ký ở từng trang và trang cuối cùng của Bản kê khai.

(2) Ghi ngày hoàn thành việc kê khai.

B. Kê khai phần THÔNG TIN CHUNG

(3) Ghi số căn cước công dân :..... nếu chưa được cấp thẻ căn cước công dân thì ghi số chứng minh thư (nhân dân/quân nhân/công an).....và ghi rõ ngày cấp và nơi cấp chứng minh thư.

(4) Nếu vợ hoặc chồng của người kê khai làm việc thường xuyên trong cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp thì ghi rõ tên Cơ quan/đơn vị/doanh nghiệp đang làm việc; Nếu vợ hoặc chồng của người kê khai làm việc tự do, nghỉ hưu hoặc làm việc nội trợ thì ghi rõ tình trạng thực tế.

C. Kê khai phần THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN

(5) Tài sản phải kê khai là tài sản hiện có thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của Người kê khai, của vợ hoặc chồng và con đẻ, con nuôi (nếu có) chưa thành niên theo quy định của pháp luật.

(6) Quyền sử dụng thực tế đối với đất là quyền thực tế mà người kê khai có quyền sử dụng đối với thửa đất bao gồm đất đã được cấp GCNDSĐĐ và đất chưa được cấp GCNQSDĐ.

(7) Đất ở là đất được sử dụng vào mục đích để ở theo quy định của pháp luật về đất đai. Trường hợp thửa đất có nhiều mục đích sử dụng khác nhau mà trong đó có đất ở thì kê khai vào mục đất ở.

(8) Ghi địa chỉ đến số nhà (nếu có), ngõ, ngách, khu phố, thôn, xóm, bản; xã, phường, thị trấn; quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

(9) Ghi Tổng diện tích đất (m^2) theo GCNQSDĐ hoặc diện tích đo thực tế (nếu chưa có GCNQSDĐ).

(10) Giá trị là giá trị gốc tính bằng tiền Việt Nam, cụ thể: Trường hợp tài sản có được do mua, chuyển nhượng thì ghi số tiền thực tế phải trả khi mua hoặc nhận chuyển nhượng cộng với các khoản thuế, phí khác (nếu có); Trường hợp tài sản có được do tự xây dựng, chế tạo, tôn tạo thì ghi Tổng chi phí phải trả để hoàn thành việc xây dựng, chế tạo, tôn tạo cộng với phí, lệ phí (nếu có) tại thời điểm hình thành tài sản; Trường hợp tài sản được cho, tặng, thừa kế thì ghi theo giá thị trường tại thời điểm được cho, tặng, thừa kế cộng với các khoản thuế, phí khác (nếu có) và ghi “giá trị ước tính”; Trường hợp không thể ước tính giá trị tài sản vì các lý do như tài sản sử dụng đã quá lâu hoặc không có giao dịch đối với tài sản tương tự thì ghi “không xác định được giá trị” và ghi rõ lý do.

(11) Nếu thửa đất đã được cấp GCNQSDĐ thì ghi số GCNQSDĐ và tên người được cấp GCNQSDĐ hoặc tên người đại diện (nếu là GCNQSDĐ là chung của nhiều người); Nếu thửa đất chưa được cấp GCNQSDĐ thì ghi “chưa được cấp GCNQSDĐ”.

(12) Ghi thông tin cụ thể về tình trạng thực tế quản lý, sử dụng tài sản như tài sản tuy người kê khai đứng tên đăng ký quyền sử dụng, quyền sở hữu nhưng thực tế là quản lý giúp người khác, về tình trạng chuyển nhượng, sang tên, đổi chủ và trạng thái sử dụng như cho thuê, cho mượn, v.v...

(13) Kê khai các loại đất có mục đích sử dụng không phải là đất ở theo quy định của Luật đất đai.

(14) Ghi “căn hộ chung cư” nếu là căn hộ trong nhà chung cư, ghi “nhà ở riêng lẻ” nếu là nhà được xây dựng trên thửa đất riêng biệt¹.

(15) Ghi Tổng diện tích (m²) sàn xây dựng của tất cả các tầng của nhà ở riêng lẻ, biệt thự bao gồm cả các tầng hầm, tầng nửa hầm, tầng kỹ thuật, tầng áp mái và tầng mái tum. Căn hộ thì diện tích được ghi theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu hoặc hợp đồng thuê (trong trường hợp thuê).

(16) Công trình xây dựng khác là công trình xây dựng không phải nhà ở.

(17) Kê khai những tài sản gắn liền với đất² mà có tổng giá trị mỗi loại ước tính từ 50 triệu trở lên.

(18) Cây lâu năm là cây trồng một lần, sinh trưởng và cho thu hoạch trong nhiều năm gồm³: cây công nghiệp lâu năm, cây ăn quả lâu năm, cây lâu năm lấy gỗ, cây tạo cảnh, bong mát. Ghi vào mục này các loại cây không tạo thành rừng.

(19) Rừng sản xuất là rừng trồng:

(20) Ghi các loại Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên.

(21) Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên. Nếu ngoại tệ thì ghi nguyên tệ và số tiền quy đổi ra tiền Việt Nam theo tỷ giá công bố của Ngân hàng Nhà nước tại ngày gần nhất của ngày kê khai.

(22) Ghi từng hình thức góp vốn trực tiếp hoặc gián tiếp đầu tư kinh doanh.

(23) Các loại giấy tờ có giá khác

(24) Ô tô, mô tô, xe gắn máy, xe máy (máy ủi, máy xúc, các loại xe máy khác), tàu thủy, tàu bay, thuyền và những động sản khác mà Nhà nước quản lý (theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký) có giá trị mỗi loại từ 50 triệu đồng trở lên.

(25) Các loại tài sản khác như cây cảnh, bộ bàn ghế, tranh ảnh và các loại tài sản khác) mà giá trị quy đổi mỗi loại từ 50 triệu đồng trở lên.

(26) Kê khai tài sản ở nước ngoài phải kê khai là tất cả loại tài sản từ Điểm 1 đến Điểm 6 Mục II của Bản kê khai tài sản, thu nhập năm ngoài lãnh thổ Việt Nam. Kê khai tài sản ở nước ngoài là việc ghi rõ số lượng, giá trị tài sản, địa chỉ, tên quốc gia và các thông tin tương ứng như hướng dẫn trên.

(27) Kê khai các tài khoản đã mở tại ngân hàng ở nước ngoài; các tài khoản khác mở ở nước ngoài không phải là tài khoản ngân hàng nhưng có thể thực hiện các giao dịch bằng tiền, tài sản (như tài khoản mở ở các công ty chứng khoán nước ngoài, sàn giao dịch vàng nước ngoài, ví điện tử ở nước ngoài...).

¹ Điều 3 Luật nhà ở năm 2014

² Khoản 1, Điều 104 Luật Đất đai

³ Điều 21 Thông tư 02/2015/TT-BTNMT

(28) kê khai Tổng thu nhập quy đổi thành tiền Việt Nam gồm các khoản lương, phụ cấp, trợ cấp, thưởng, thù lao, cho, tặng, biếu, thừa kế, tiền thu do bán tài sản, thu nhập hưởng lợi từ các khoản đầu tư, phát minh, sáng chế, các khoản thu nhập khác, trong thời kỳ được xác định như sau: Đối với lần kê khai lần đầu thì kỳ kê khai được xác định từ ngày 01 tháng 01 năm đó đến ngày kê khai; Đối với lần kê khai thứ hai trở đi được xác định từ ngày tiếp theo của kỳ kê khai liền kề trước đó đến ngày kê khai.

D. KÊ KHAI PHẦN BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM

(29) Kê khai tăng hoặc giảm tài sản tại thời điểm kê khai so với tài sản đã kê khai trước đó và giải trình nguồn gốc tài sản tăng thêm và nguồn hình thành thu nhập trong kỳ áp dụng với lần kê khai thứ hai trở đi. Kê khai lần đầu không phải kê khai mục này.

(30) Nếu tài sản tăng thì ghi tên tài sản vào cột “loại tài sản, thu nhập”, ghi dấu “+” và số lượng tài sản tăng vào cột “số lượng”, ghi giá trị tài sản tăng vào cột “giá trị” và giải thích nguyên nhân tăng vào cột “nội dung giải trình nguồn gốc tài sản tăng thêm ..”. Các nội dung trên cùng dòng tương ứng.

(31) Nếu tài sản giảm thì ghi tên tài sản giảm vào cột “loại tài sản và ghi dấu “-” vào cột “số lượng”, ghi giá trị tài sản giảm vào cột “giá trị” và giải thích nguyên nhân giảm tài sản vào cột “Nội dung giải trình nguồn gốc tài sản tăng thêm ...”.

(32) Ghi Tổng thu nhập giữa 02 lần kê khai vào cột “giá trị” và ghi rõ từng khoản thu nhập có được trong thời kỳ kê khai.

Ví dụ: Trong thời kỳ từ 16/12/2018 đến 15/12/2019, ông A bán một thửa đất ở 100 m² ở địa chỉ B, giá trị của thửa đất lúc mua là 500 tr, thu được 4 tỷ đồng; ông A sử dụng tiền bán thửa đất trên mua 01 căn hộ 100 m² tại chung cư C giá mua 3,5 tỷ đồng và mua một ô-tô Toyota với giá 1 tỷ đồng, đăng ký biển kiểm soát 18E-033.55. Thu nhập từ lương và các khoản phụ cấp của gia đình ông A là 600 tr, thu nhập từ các khoản đầu tư là 1 tỷ đồng, sau khi chi tiêu ông A gửi tiết kiệm ở ngân hàng D được 500 tr.

Ông A sẽ ghi như sau:

Loại tài sản, thu nhập	Tăng / giảm		Nội dung giải trình nguồn gốc tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng	Giá trị	
1. Quyền sử dụng đất			
1.1 Đất ở			
- Bán thửa đất B	- 100	500 tr	Giảm do bán
2. Nhà ở, công trình xây dựng			
2.1 Nhà ở			
- Mua căn hộ tại chung cư C	+ 100 m ²	3.500 tr	Mua nhà từ tiền bán thửa đất B.
3. Tài sản khác gắn liền với đất			
4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên.			

<p>5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên.</p> <p>- Gửi tiết kiệm tại ngân hàng D</p>	<p>+ Số tiết kiệm</p>	<p>500 tr</p>	<p>Tiết kiệm từ thu nhập</p>
<p>6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên</p>			
<p>7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:</p> <p>7.1 Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký</p> <p>- Mua ô tô, số ĐK: 18E-033.55</p>	<p>+ 01</p>	<p>1.000 tr</p>	<p>Mua từ tiền bán đất và thu nhập trong năm</p>
<p>8. Tài sản ở nước ngoài</p>			
<p>9. Tổng thu nhập giữa 02 lần kê khai.</p>	<p>5.600tr</p>		<p>- Thu nhập từ Lương và các khoản phụ cấp 600 tr; - Thu nhập từ các khoản đầu tư 1.000 tr; - Tiền bán thừa đất B được 4.000 tr</p>